

## **NỘI KHOA**

### **MÔ TẢ**

Môn học Nội khoa sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản trong chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị các vấn đề và bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam.

Chương trình nội khoa lâm sàng chia thành ba năm Y3, Y4, và Y6:

- (1) Y<sub>3</sub>: Tiếp cận chẩn đoán lâm sàng các vấn đề nội khoa phổ biến ở Việt Nam.
- (2) Y<sub>4</sub>: Tiếp cận chẩn đoán cận lâm sàng, đối chiếu lâm sàng các vấn đề nội khoa phổ biến ở Việt Nam.
- (3) Y<sub>6</sub>: Tiếp cận điều trị các bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam.

## **NỘI KHOA NĂM Y4**

### **THỜI LƯỢNG HỌC PHẦN**

Số tín chỉ: 6 bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết (30 tiết) + 4 tín chỉ thực hành (120 tiết)

### **CHUẨN NĂNG LỰC**

Sau khi học xong môn Nội khoa ở năm tư sinh viên có thể:

1. Giải thích cơ chế bệnh sinh các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam.
2. Thiết lập và phân tích lưu đồ chẩn đoán nguyên nhân các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.
3. Tích hợp y học chứng cứ trong thăm khám, thực hiện xét nghiệm, phân tích kết quả xét nghiệm, đối chiếu lâm sàng để đưa ra chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.
4. Viết, trình bày bệnh án chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.
5. Hợp tác tốt với giảng viên, bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên khi học tập, và chăm sóc người bệnh.
6. Thông báo kết quả thăm khám, xét nghiệm và chẩn đoán cuối cùng cho bệnh nhân và gia đình qua quá trình giao tiếp hiệu quả, có quan tâm tới cảm xúc, nhu cầu của bệnh nhân và gia đình.
7. Tham vấn và tôn trọng ý kiến bệnh nhân và gia đình về tình trạng bệnh lý, chỉ định xét nghiệm chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.

### **MỤC TIÊU HỌC TẬP**

#### **Kiến Thức:**

1. Áp dụng kiến thức sinh hóa, sinh lý, vi sinh, miễn dịch giải thích cơ chế bệnh sinh các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam:
  - Tim mạch: Suy tim trái, bệnh tim thiếu máu cục bộ.
  - Hô hấp: Nhiễm khuẩn hô hấp dưới, ho ra máu, tắc nghẽn hô hấp dưới, tràn dịch màng phổi.
  - Tiêu hóa: Xơ gan, viêm gan, xuất huyết tiêu hóa, bệnh lý liên quan tiết acid dịch vị, viêm tụy cấp, rối loạn di tiêu (tiêu chảy, táo bón).

- Thận học: Bệnh thận mạn, tổn thương thận cấp, bệnh cầu thận, nhiễm khuẩn đường tiết niệu.
- 2. Áp dụng kiến thức y học cơ sở, triệu chứng học, bệnh học, có lồng ghép kết quả cận lâm sàng để thiết lập và phân tích lưu đồ chẩn đoán nguyên nhân các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam:
  - Sốt, Sụt cân, Phù.
  - Khó thở, Tăng huyết áp, Đau ngực, Vàng da, Bụng to (chướng, báng).
  - Ho và ho ra máu, Ói và đi tiêu ra máu.
  - Rối loạn đi tiểu, Bất thường nước tiểu không triệu chứng, Rối loạn đi tiêu (tiêu chảy, táo bón).

**Kỹ năng:**

1. Viết và trình bày bệnh án chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam:
  - Sốt, Sụt cân, Phù.
  - Khó thở, Tăng huyết áp, Đau ngực, Vàng da, Bụng to (chướng, báng).
  - Ho và ho ra máu, Ói và đi tiêu ra máu.
  - Rối loạn đi tiểu, Bất thường nước tiểu không triệu chứng, Rối loạn đi tiêu (tiêu chảy, táo bón).
2. Tích hợp y học chứng cứ trong thăm khám, chỉ định xét nghiệm, phân tích kết quả xét nghiệm, đối chiếu lâm sàng để biện luận chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.
  - Tim mạch: X quang tim, Điện tâm đồ cơ bản, Siêu âm tim, Chẩn đoán sinh học.
  - Hô hấp: X quang phổi, Khí máu động mạch, Hô hấp ký, Dịch màng phổi.
  - Tiêu hóa: xét nghiệm chức năng gan, dấu ấn viêm gan, dịch màng bụng, nội soi tiêu hóa, xét nghiệm chẩn đoán *Helicobacter pylori*, xét nghiệm chẩn đoán và tiên lượng viêm tụy cấp.
  - Thận học: tổng phân tích nước tiểu, xét nghiệm chức năng thận, siêu âm thận.
3. Giao tiếp, lắng nghe, chia sẻ để tham vấn cho bệnh nhân và gia đình kết quả thăm khám, xét nghiệm, và các chẩn đoán có liên quan đến tình trạng bệnh lý của bệnh nhân.
4. Hợp tác làm việc đội nhóm với giảng viên, bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên khi học tập, và chăm sóc người bệnh.

**Thái độ:**

1. Đồng cảm, thấu cảm với bệnh nhân và gia đình
2. Tôn trọng cảm xúc, nhu cầu riêng tư, tín ngưỡng của bệnh nhân và gia đình.
3. Tôn trọng, cộng tác tốt với điều dưỡng, bác sĩ, nhân viên y tế khác.
4. Tuân thủ các nội quy, quy định của bộ môn, bệnh viện.

LƯỢNG GIÁ

ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Mục tiêu học phần	Tỷ lệ (%)
Đánh giá giữa kỳ	Sinh viên làm 4 câu MCQ trước mỗi buổi giảng ca lâm sàng x 14 buổi = Tổng cộng 56 câu	MT kiến thức 1 – 2 MT thái độ 4	10% điểm lý thuyết học phần
	Giảng viên đánh giá sinh viên tham gia thảo luận ca lâm sàng trong 14 buổi giảng ca lâm sàng	MT kiến thức 1 – 2 MT thái độ 4	20% điểm lý thuyết học phần
	Sinh viên thực hiện các chỉ tiêu thực tập thể hiện qua sổ tay thực hành lâm sàng có giảng viên xác nhận Giảng viên đánh giá nhanh sinh viên khi thực hành tại giường sử dụng Mini CEX	MT kỹ năng 1 – 4 MT thái độ 1 – 4	Điều kiện dự thi thực tập cuối học phần
	Thi giữa kỳ trên bệnh nhân thật	MT kỹ năng 1 – 4 MT thái độ 1 – 4	30% điểm thực tập học phần
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi trắc nghiệm lý thuyết 80 câu MCQ, 4 chọn 1	MT kiến thức 1 – 2	70% điểm lý thuyết học phần
	Thi OSCE cuối đợt: 8 trạm 10 phút tại trung tâm mô phỏng	MT kỹ năng 1 – 4 MT thái độ 1 – 4	70% điểm thực hành học phần

PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ CHI TIẾT

Kiểm tra	Giữa kỳ		Cuối kỳ	
Nội dung	Lý thuyết	Thực tập	Lý thuyết	Thực tập
Thời điểm	Mỗi bài giảng	Mỗi buổi thực tập	Cuối tuần 8	Cuối tuần 8

Công cụ	MCQ 4 chọn 1	Portfolio - MiniCEX	MCQ 4 chọn 1	OSCE
Số câu hỏi	60 câu (4 câu/ buổi)	4 chỉ tiêu/ phân môn	80 câu (60 phút)	4 case/ 8 trạm (80 phút)
Chỉ tiêu thực tập mỗi trại	TM: ECG, XQ tim, SA tim, Dấu ấn sinh học HH: XQ phổi, HHK, KMĐM, PTDMPT TH: CN gan, Marker viêm gan, PTDMB Thận: CN thận, TPTNT, Siêu âm thận	20 câu/ phân môn Phân bố theo tỷ trọng các mục tiêu riêng từng phân môn	1 case/ 2 trạm/ 1 phân môn  1 trạm = 10 phút	

### **NỘI DUNG LƯỢNG GIÁ LÝ THUYẾT**

	Mục tiêu	Mức độ lượng giá			Tỷ trọng
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
1	Áp dụng kiến thức sinh hóa, sinh lý, vi sinh, miễn dịch giải thích cơ chế bệnh sinh các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.	5%	5%	40%	<b>50%</b>
2	Áp dụng kiến thức y học cơ sở, triệu chứng học, bệnh học, có lồng ghép kết quả cận lâm sàng để thiết lập và phân tích lưu đồ chẩn đoán nguyên nhân các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.	5%	5%	40%	<b>50%</b>

### **NỘI DUNG LƯỢNG GIÁ THỰC HÀNH (100% mục tiêu đều lượng giá ở mức độ áp dụng)**

	Mục tiêu	Tỷ trọng
1	Viết và trình bày bệnh án chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến tại Việt Nam.	<b>20%</b>
2	Tích hợp y học chứng cứ vào thăm khám, chỉ định, phân tích kết quả xét nghiệm, đối chiếu lâm sàng để biện luận chẩn đoán các vấn đề nội khoa phổ biến ở Việt Nam.	<b>60%</b>
3	Giao tiếp, lắng nghe, chia sẻ để tham vấn cho bệnh nhân và gia đình kết quả thăm khám, xét nghiệm, và các chẩn đoán liên quan đến tình trạng bệnh lý.	<b>10%</b>
4	Hợp tác làm việc đội nhóm với giảng viên, bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên khi học tập, và chăm sóc người bệnh	<b>10%</b>

**Điểm lý thuyết học phần = (Điểm MCQ pretest x 0,1) + (Điểm thảo luận x 0,2) + (Điểm MCQ cuối kỳ x 0,7)**

**Điểm thực hành học phần = (Điểm giữa kỳ x 0,3) + (Điểm OSCE x 0,7)**

## **NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:**

- Lý thuyết được dạy tại trường vào các buổi chiều thứ tư và thứ sáu hàng tuần từ 13:30 – 15:30 (2 tiết cho mỗi buổi). Tổng thời gian học tập lý thuyết nội khoa là 14 buổi, trong 7 tuần., tuần thứ 8 sẽ thi.
  - Phương pháp giảng dạy lý thuyết là thảo luận ca lâm sàng chuẩn (**CBL**) do giảng viên chuẩn bị, cho từng nhóm lớn 80 sinh viên, qua đó minh họa các chủ điểm lý thuyết nội khoa.
  - Tại nhà, sinh viên phải đọc bài word, xem bài powerpoint và xem video bài giảng về chủ điểm sẽ thảo luận trong ca lâm sàng đã được tải lên e-learning từ trước.
  - Từ 18:00 – 18:30 chiều thứ ba và thứ năm hàng tuần, sinh viên phải trả lời qua e-learning 4 câu hỏi MCQ cho bài học sẽ học vào chiều hôm sau. Kết quả trả lời câu hỏi MCQ qua mạng là một thành phần của điểm lý thuyết giữa kỳ, chiếm tỷ trọng 10% điểm lý thuyết học phần.
  - Tại từng buổi học, sinh viên tham gia thảo luận trong nhóm 8 người và trình bày kết quả thảo luận cho nhóm lớn. Ba giảng viên hướng dẫn thảo luận, đồng thời theo dõi và đánh giá quá trình tham gia thảo luận của từng sinh viên. Mỗi giảng viên sẽ hướng dẫn, theo dõi và đánh giá từ 2 – 3 nhóm nhỏ 8 người. Vào cuối mỗi buổi, giảng viên sẽ cho điểm thảo luận cho từng sinh viên trong nhóm phụ trách. Kết quả tham gia thảo luận là một thành phần của điểm lý thuyết giữa kỳ, chiếm tỷ trọng 20% điểm lý thuyết học phần. Sinh viên nghỉ học buổi nào sẽ không có điểm thảo luận của buổi đó. Sinh viên nghỉ  $\geq 3/14$  buổi, không đủ tư cách dự thi kết thúc, phải học lại buổi vắng mới được phép thi kết thúc học phần.
  - Cuối đợt học lý thuyết, sinh viên thi kết thúc 80 câu hỏi MCQ trong 60 phút tại trung tâm khảo thí. Kết quả thi tính vào điểm lý thuyết cuối kỳ, chiếm tỷ trọng 70% điểm toàn bộ.
- Thực hành được dạy tại bốn bệnh viện thực hành: Chợ Rẫy, Nhân Dân Gia Định, Đại Học Y Dược, Nguyễn Tri Phương vào các buổi sáng từ thứ hai đến thứ sáu, từ 7:00 – 11:30. Tổng thời gian thực hành là 8 tuần, 40 buổi, 120 tiết.
  - Sinh viên chia thành 5 đợt, mỗi đợt 80 sinh viên. 80 sinh viên chia ra tiếp thành 4 nhóm đi bốn bệnh viện thực hành theo tỷ lệ: 3 tổ sinh viên (24 sinh viên) cho mỗi BV Chợ Rẫy và Nhân Dân Gia Định, 1 – 2 tổ sinh viên (8 – 16 sinh viên) cho mỗi BV ĐHYD và Nguyễn Tri Phương. Tại mỗi bệnh viện sinh viên sẽ được chia nhỏ thành 4 nhóm từ 2 – 6 sinh viên xoay vòng qua bốn trại bệnh tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, và thận.
  - Phương pháp giảng dạy thực hành chủ yếu là giảng dạy tại giường bệnh (**bedside teaching**) cho từng sinh viên trên các ca lâm sàng thực (real case) sinh viên theo dõi mỗi ngày. Sinh viên thảo luận từng ca lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng với giảng viên và các bạn trong nhóm

chăm sóc. Mỗi một nhóm chăm sóc sẽ có trung bình 1 giảng viên + 2 sinh viên  $Y_4$  + 4 sinh viên  $Y_3$ . Tùy theo đặc điểm từng bệnh viện, và từng thời điểm, nhóm chăm sóc có thể có thêm 1 bác sỹ nội trú và 2 – 4 sinh viên  $Y_6$ .

- Tại nhà, sinh viên phải đọc bài word, xem video bài giảng về các chủ điểm thực hành, và làm các bài tập (nếu có) cho các bài phân tích kết quả cận lâm sàng. Sinh viên phải chuẩn bị sẵn sàng để áp dụng cho ca lâm sàng thực và thảo luận phân tích kết quả cận lâm sàng khi đi thực tập.
- Hàng ngày giảng viên hướng dẫn, theo dõi và đánh giá tính chuyên cần, tích cực trong tham gia thực hành. Giảng viên dùng bảng MiniCEX để đánh giá nhanh quá trình thực tập của sinh viên. Sinh viên phải chủ động hoàn thành các chỉ tiêu thực tập, nhờ giảng viên xem và xác nhận vào sổ tay thực tập (portfolio). Kết quả theo dõi, đánh giá thực hành hàng ngày là điều kiện cần để sinh viên thi kết thúc thực tập cuối khóa. Sinh viên vắng  $\geq 2/10$  buổi thực tập của từng phân môn hoặc  $\geq 4/40$  buổi (dù có phép) của toàn bộ đợt thực tập sẽ không đủ tư cách thi kết thúc thực tập, sinh viên phải đi thực tập lại toàn bộ đợt thực tập nội khoa mới được thi kết thúc thực tập.
- Cuối tuần đầu tiên của mỗi trại thực tập trong mỗi phân môn, sinh viên được thi một ca bệnh nhân thật, giảng viên sử dụng bảng kiểm giữa kỳ để đánh giá và cho điểm sinh viên. Kết quả thi này là điểm thực hành giữa kỳ, chiếm 30% điểm thực hành học phần toàn bộ.
- Thứ sáu cuối cùng của đợt thực tập nội khoa, sinh viên thi kết thúc tại trung tâm mô phỏng với hình thức OSCE, có 8 trạm, mỗi trạm 10 phút, 2 trạm/phân môn. Điểm thi OSCE sẽ là điểm thực hành kết thúc, chiếm 70% điểm thực tập học phần.
- Nội dung giảng dạy gồm 14 bài dạy lý thuyết dưới dạng ca lâm sàng (CBL), và 14 bài kỹ năng phân tích kết quả cận lâm sàng tự học như sau:

Phân môn	Tên bài giảng lý thuyết	Tên bài giảng thực hành
Tim mạch	Tiếp cận bệnh nhân hội chứng vành cấp	Phân tích ECG
	Tiếp cận bệnh nhân suy tim	Phân tích XQ tim
	Tiếp cận bệnh nhân Tăng huyết áp	Phân tích chỉ điểm sinh học trong tim
	Tiếp cận bệnh nhân có âm thổi ở tim	
Hô hấp	Tiếp cận bệnh nhân nhiễm khuẩn hô hấp dưới	Phân tích X quang phổi
	Tiếp cận bệnh nhân tắc nghẽn hô hấp dưới	Phân tích Chức năng hô hấp

	Tiếp cận bệnh nhân ho ra máu	Phân tích Khí máu động mạch
	Tiếp cận bệnh nhân tràn dịch màng phổi	Phân tích Dịch màng phổi
Tiêu hóa	Tiếp cận chẩn đoán bệnh lý tiêu hóa liên quan acid dịch vị	Tiếp cận chẩn đoán xuất huyết tiêu hóa
	Tiếp cận chẩn đoán xơ gan và biến chứng	Tiếp cận chẩn đoán rối loạn đi tiêu
	Tiếp cận chẩn đoán viêm gan	Tiếp cận chẩn đoán viêm tụy cấp
	Cận lâm sàng chẩn đoán bệnh lý tiêu hóa - gan mật (tự học)	Phân tích kết quả dịch báng
Thận học	Tiếp cận chẩn đoán bệnh thận mạn	Phân tích tổng phân tích nước tiểu
	Tiếp cận chẩn đoán tổn thương thận cấp	Phân tích đánh giá chức năng thận
	Tiếp cận chẩn đoán bệnh cầu thận	Phân tích kết quả siêu âm thận

### **PHÂN BỐ NỘI DUNG GIẢNG THEO TUẦN:**

**Lịch giảng lý thuyết chung vào buổi chiều thứ 4 và thứ 6 hàng tuần từ 13:30 – 17:00 (4 tiết)**

- Xem file lịch giảng lý thuyết chi tiết

**Lịch hướng dẫn thực hành các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 tại bệnh viện từ 7:00 – 11:30 (3 tiết).**

Sinh viên sẽ luân chuyển qua xoay vòng qua các phân môn, mỗi phân môn 2 tuần.

### **Lịch giảng phân môn tim mạch**

	Thời gian	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần lễ 1	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	XQ ngực trong tim mạch	ECG	Kiến tập siêu âm tim	Phân tích kết quả sinh hóa trong tim mạch	Kiểm tra giữa kỳ
Tuần lễ 2	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				

	10:00 – 11:30	XQ ngực trong tim mạch	ECG	Kiến tập siêu âm tim	Phân tích kết quả sinh hóa trong tim mạch	Giải đáp thắc mắc
--	---------------	------------------------	-----	----------------------	---	-------------------

**Lịch giảng phân môn hô hấp**

	Thời gian	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần lễ 1	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	XQ phổi	KMĐM	CNHH	PTDMP	Kiểm tra giữa kỳ
Tuần lễ 2	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	XQ phổi	KMĐM	CNHH	PTDMP	Giải đáp thắc mắc

**Lịch giảng phân môn tiêu hóa:**

	Thời gian	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần lễ 1	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	Viêm gan	Xơ gan	Dịch bàng	XHTH	Kiểm tra giữa kỳ
Tuần lễ 2	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	Viêm tụy cấp	Xơ gan	XHTH	Giải đáp thắc mắc	Giải đáp thắc mắc

**Lịch giảng phân môn thận:**

	Thời gian	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần lễ 1	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				



	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	TPTNT	Chức năng thận	Siêu âm thận	Sinh thiết thận	Kiểm tra giữa kỳ
Tuần lễ 2	7:00 – 8:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	8:00 – 9:00	Sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh				
	9:00 – 10:00	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)				
	10:00 – 11:30	Giảng viên phản hồi cho sinh viên về từng ca bệnh (bedside teaching)			Giải đáp thắc mắc	Giải đáp thắc mắc

Riêng sáng thứ sáu tuần lễ cuối cùng của đợt thực tập, toàn bộ sinh viên (80 em) về trung tâm mô phỏng tại trường để thi OSCE kết thúc đợt thực tập.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Giáo trình Elearning: <https://elearning.ump.edu.vn/>